

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Tên dự án: Xây dựng tuyến đường du lịch kết nối Quốc lộ 12B đến đường tỉnh ĐT.479 theo quy hoạch.

2. Mã số thông tin công trình: 8161046.

3. Địa điểm xây dựng; hướng tuyến công trình

3.1. Địa điểm xây dựng: Phường Yên Sơn, tỉnh Ninh Bình.

3.2. Hướng tuyến công trình: Bảo đảm phù hợp với các quy hoạch có liên quan; điểm đầu giao với Quốc lộ 12B, điểm cuối kết nối với đường tỉnh ĐT.479 theo quy hoạch, chiều dài khoảng 2,2 km.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:

a) Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Kiến Hưng.

b) Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông Thành Phát - Công ty TNHH Việt Hà (Liên danh Thành Phát - Việt Hà).

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Dự án nhóm B; công trình giao thông, cấp III; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng cho dự án.

8. Mục tiêu dự án: Hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông khu vực, hình thành tuyến đường du lịch kết nối từ Quốc lộ 12B đến đường tỉnh ĐT.479 đồng bộ theo quy hoạch; bảo đảm kết nối giao thông đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân, du khách và giao thương hàng hóa, khai thác và phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng, thúc đẩy phát triển ngành du lịch, dịch vụ, kinh tế - xã hội của các địa phương nơi tuyến đường đi qua và tỉnh Ninh Bình theo đúng định hướng.

9. Quy mô đầu tư xây dựng

9.1. Quy mô đầu tư: Xây dựng tuyến đường có điểm đầu giao với Quốc lộ 12B, điểm cuối kết nối với đường tỉnh ĐT.479 theo quy hoạch, chiều dài khoảng 2,2 km, quy mô $B_{\text{nền}}/B_{\text{mặt}} = 24,0 \text{ m}/12,0 \text{ m}$ và các công trình trên tuyến

9.2. Giải pháp thiết kế

a) Mặt cắt dọc: Cao độ phù hợp với cao độ hiện trạng tại đầu tuyến và cuối tuyến, bảo đảm tần suất tính toán thủy văn, các điểm khống chế,...; hạn chế khối lượng đào đắp và phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Mặt cắt ngang: Bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 24,0 \text{ m}$, trong đó bề rộng phần xe chạy $B_{\text{xe}} = (2 \times 6,0) = 12,0 \text{ m}$, dải phân cách $B_{\text{dpc}} = 2,0 \text{ m}$, hè đường $B_{\text{hè}} = (2 \times 5,0) = 10,0 \text{ m}$ đối với vị trí qua khu dân cư và lề đất $B_{\text{lề đất}} = (2 \times 5,0) = 10,0 \text{ m}$ đối với vị trí không qua khu dân cư. Độ dốc ngang: Mặt đường $i = 2\%$; lề đường $i = 4\%$ và hè đường $i = 1,5\%$.

c) Kết cấu mặt đường: Kết cấu mặt đường từ trên xuống dưới gồm lớp bê tông nhựa chặt (BTNC) 16 dày 5,0 cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; lớp BTNC 19 dày 7,0 cm; tưới nhũ tương thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m²; lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15,0 cm và lớp cấp phối đá dăm loại II dày 17,0 cm.

d) Nền đường: Đắp nền đường bảo đảm độ chặt $K \geq 0,95$, lớp tiếp giáp đáy kết cấu áo đường chiều dày 50 cm bảo đảm độ chặt $K \geq 0,98$. Đối với các đoạn tuyến đi qua khu vực có địa chất yếu, tùy theo chiều cao đắp, trạng thái địa chất của từng đoạn để đưa ra giải pháp xử lý nền đất yếu bảo đảm phù hợp, ổn định công trình.

đ) Nút giao, đường giao: Thiết kế dạng giao bằng, bán kính các nhánh rẽ phù hợp với quy mô tiêu chuẩn cấp đường và với điều kiện địa hình, bảo đảm êm thuận và an toàn giao thông.

e) Các công trình khác

- Xây dựng hệ thống vỉa hè, rãnh thoát nước mưa, cống thoát nước thải và hào kỹ thuật đối với đoạn tuyến qua khu dân cư bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.

- Xây dựng cống ngang đường và hoàn trả kênh, mương thủy lợi tại các vị trí tuyến giao cắt với kênh, mương thủy lợi hiện trạng, bảo đảm khả năng tiêu thoát nước, phù hợp với quy mô nền, mặt đường xây dựng mới, yêu cầu của đơn vị quản lý, khai thác và nhu cầu thực tế của địa phương.

- Xây dựng tường chắn, gia cố taluy nền đường tại một số vị trí trên tuyến để bảo đảm ổn định nền đường.

- Trồng cây xanh dọc hai bên tuyến và trồng cỏ, cây tán thấp trên dải phân cách để bảo đảm cảnh quan của khu vực.

- Bố trí hệ thống chiếu sáng, an toàn giao thông trên toàn tuyến theo quy định.

II. Khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 06: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Từ Quý I/2026.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày.

III. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu:

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu nhằm tuyển chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện công tác Tư vấn khảo sát, lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, lập mô hình BIM và tổng dự toán đảm bảo theo quy định của Luật xây dựng; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng cơ bản và Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt dự án.

- Đáp ứng được các nội dung yêu cầu chất lượng, tiến độ của gói thầu.

IV. Phạm vi công việc:

- Trên cơ sở nhiệm vụ khảo sát, lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở và tổng dự toán được Chủ đầu tư phê duyệt và các quy định hiện hành có liên quan về đầu tư xây dựng công trình, tiến hành khảo sát, lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở và tổng dự toán của dự án đảm bảo chất lượng theo quy định và tiến độ yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Thực hiện ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

1. Công tác điều tra, khảo sát:

1.1. Phạm vi khảo sát:

Phạm vi khảo sát tuyến bao gồm 01 tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 2,2Km, cụ thể như sau:

+ Điểm đầu tuyến: Điểm đầu tuyến giao với đường QL12B tại Km50+884;

+ Điểm cuối tuyến: Giao với đường ĐT.479 (giao với đê Bến Đang);

1.2. Công tác Khảo sát điều tra, thu thập số liệu: Tận dụng số liệu đã thực hiện ở bước chủ trương đầu tư và lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

1.3. Khảo sát địa hình:

1.3.1. Lưới khống chế mặt bằng và cao độ hạng IV: Tận dụng số liệu đã thực hiện ở bước chủ trương đầu tư và lập báo cáo nghiên cứu khả thi

1.3.2. Lưới đường chuyên cấp 2 và cao độ kỹ thuật: Tận dụng số liệu bước chủ trương đầu tư và lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

1.3.3. Khảo sát tuyến:

a) Đo vẽ bình đồ

Tận dụng số liệu bước chủ trương đầu tư và lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

b) Đo vẽ trắc dọc, trắc ngang

- Trắc dọc:

+ Đo vẽ trắc dọc tuyến tỷ lệ đo dài 1/1000, cao 1/100.

+ Yêu cầu: Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến phải đo tất cả các cọc chi tiết và phản ánh đúng địa hình thiên nhiên, các điểm khống chế, các vị trí giao cắt, các công trình nhân tạo v.v...

- Trắc ngang:

+ Đo vẽ trắc ngang tỷ lệ 1/200. Khoảng cách trung bình 20m/mặt cắt.

+ Phạm vi đo vẽ trắc ngang từ tim tuyến về mỗi bên 30m.

+ Yêu cầu trên trắc ngang thể hiện rõ địa hình, địa vật (mặt đường cũ, mép nhà, cột điện, bờ mương, đáy mương và ta luy mương,...), và các công trình đặc biệt nếu có.

Khối lượng dự kiến:

- Trắc dọc: Tận dụng 50% số liệu trắc dọc bước đã thực hiện ở bước chủ trương đầu tư và lập báo cáo nghiên cứu khả thi, tiến hành đo vẽ và chuẩn xác lại số liệu với khối lượng dự kiến: $50\% * 2.200 / 100 = 11$ (100m)

- Trắc ngang:

+ Đối với bước lập TKXD TKSTKCS tiến hành trung bình 20m đo 01 cắt ngang, mỗi cắt ngang đo rộng 60: $(2200/20) * 60 / 100 = 66$ (100m)

+ Tận dụng số cắt ngang bước CTĐT và NCKT: $-(33+21,19) = -54,19$ (100m)

+ Khối lượng đo bước BVTC: $(66-54,19)/10=11,8$ (100m)

1.4. Khảo sát ĐCCT nền đường (khoan địa chất nền đường có đất yếu).

1.4.1. Nguyên tắc, khối lượng dự kiến thực hiện:

+ Công tác thăm dò ĐCCT bằng các lỗ khoan bố trí cách nhau 100 m trên tim tuyến bao gồm cả khối lượng lỗ khoan đã tiến hành ở bước trước. Chiều sâu khoan dự kiến khoảng 15m (tham khảo chiều sâu lỗ khoan đã thực hiện ở trước lập BCNCKT);

+ Cứ khoảng 300 m, tiến hành 1 mặt cắt ngang ĐCCT trên đó có gồm 01 lỗ khoan ở tim đường và 01 lỗ khoan ở vai đường (lỗ khoan vai đường chỉ khảo sát địa tầng không cần không lấy mẫu thí nghiệm). Các vị trí lỗ khoan vai đường bố trí so le giữa các mặt cắt trên tuyến (chi tiết theo bình đồ vị trí lỗ khoan);

- Bước lập BCNCKT đã thực hiện khoan 05 lỗ khoan quanh vùng phạm vi đất yếu (tại Km0+80, Km0+520, Km1+100, Km1+740, Km2+150) và xác định phạm vi đất yếu khoảng từ Km1+300-Km1+960;

- Bước lập TKXDTKSTKCS khoan bổ sung địa chất đất yếu dự kiến 14 lỗ tại các vị trí sau:

+ Lý trình K0+800: Khoan 01 lỗ tại tim đường;

+ Lý trình Km0+900: Khoan 01 lỗ tại tim đường;

+ Lý trình Km1+00: Khoan 01 lỗ tại tim đường;

+ Lý trình Km1+200: Khoan 02 lỗ tại tim đường và lề đường bên phải;

+ Lý trình Km1+300: Khoan 01 lỗ tại tim đường;

+ Lý trình Km1+400: Khoan 01 lỗ tại tim đường;

+ Lý trình Km1+520: Khoan 02 lỗ tại tim đường và lề đường bên trái;

+ Lý trình Km1+620: Khoan 01 lỗ tại tim đường;

+ Lý trình Km1+840: Khoan 02 lỗ tại tim đường và lề đường bên phải;

+ Lý trình Km1+940: Khoan 01 lỗ tại tim đường;

+ Lý trình Km2+060: : Khoan 01 lỗ tại tim đường;

- Trong quá trình khoan xác định địa tầng các lớp đất đá phải kết hợp lấy mẫu thí nghiệm với cự ly trung bình 2m/1mẫu, việc lấy mẫu phải đại diện cho tất cả các lớp. Thí nghiệm 70% số mẫu lấy được, trong đó mẫu nguyên dạng tạm tính khoảng 80% mẫu thí nghiệm. Thí nghiệm 10% số mẫu thí nghiệm chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông (Cv) hoặc 6 mẫu thí nghiệm theo điều 5.3.7 TCCS 41:2022/TCĐBVN. Thí nghiệm 5% số mẫu thí nghiệm chỉ tiêu xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ UU và 5% số mẫu thí nghiệm xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ CU hoặc ít nhất 6 mẫu thí nghiệm theo điều 5.3.7 TCCS 41:2022/TCĐBVN.

Khối lượng dự kiến: 14 lỗ

□ Số lượng lỗ khoan lấy mẫu thí nghiệm: 11 lỗ

- Số lượng lỗ khoan khảo sát địa tầng, không lấy mẫu: 3 lỗ
- Khoan trên cạn: 14 lỗ x 15m = 210m, trong đó:
 - Đất cấp I-III: 210m.
- Thí nghiệm cắt cánh (2m/lần, mỗi lỗ 7 lần):
 - Đất cấp I-III: 77 lần
- Lấy mẫu: 77 mẫu (2m/1 mẫu, mỗi lỗ 7 mẫu).
- Thí nghiệm mẫu: 54 mẫu, trong đó:
 - Mẫu nguyên dạng: 43 mẫu.
 - Mẫu không nguyên dạng: 11 mẫu.
 - Thí nghiệm nén cố kết Cv: 8 mẫu.
 - Thí nghiệm nén 3 trục sơ đồ UU: 6 mẫu.
 - Thí nghiệm nén 3 trục sơ đồ CU: 6 mẫu.
- Đào hố thăm dò nền đường cũ 02 vị trí:
 - Thí nghiệm xác định chỉ số CBR của đất: 02 mẫu
 - Thí nghiệm độ co ngót và trương nở của mẫu đất: 02 mẫu

1.4.2. Yêu cầu kỹ thuật, điều kiện kết thúc lỗ khoan.

a) Yêu cầu kỹ thuật khoan

Trong khi khoan, lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu được thực hiện theo đúng “Tiêu chuẩn TCVN 9437:2012, 2683:2012, 31:2020” và các quy định hiện hành khác.

Điều kiện kết thúc lỗ khoan: Chiều sâu khoan thăm dò hết lớp đất yếu và vào lớp đất chịu lực từ 2 m đến 4 m. Thông thường, lớp đất chịu lực được xác định là đất dính có trạng thái, từ dẻo cứng trở lên (tương đương với thí nghiệm $SPT \geq 8$) hoặc đất rời hoặc hết chiều sâu vùng ảnh hưởng lún dự kiến.

b) Yêu cầu thí nghiệm

Toàn bộ mẫu thí nghiệm phải được thực hiện theo phiếu yêu cầu thí nghiệm do CTKS địa chất lập và CTTK, CNTK phê duyệt (bao gồm cả vị trí phòng thí nghiệm, thời gian thí nghiệm). Mẫu thí nghiệm dự kiến sẽ được lựa chọn để đảm bảo yêu cầu thiết kế. Các chỉ tiêu thí nghiệm sẽ do CTHM địa chất đề xuất và CNTK/CNKS chấp thuận.

Tất cả các mẫu được thí nghiệm theo Tiêu chuẩn Việt Nam, trường hợp thí nghiệm không có trong tiêu chuẩn Việt Nam thì sử dụng theo tiêu chuẩn ASTM.

Mẫu nguyên trạng:

- Xác định các chỉ tiêu:
- + Dung trọng thiên nhiên γ_w ,

- + Độ ẩm thiên nhiên W ,
- + Giới hạn chảy W_t ,
- + Thành phần hạt $p\%$,
- + Cường độ kháng cắt C, ϕ (theo phương pháp cắt nhanh trực tiếp).
- + Nén 1 trục nở hông đối với các lớp đất dính có $SPT > 8$.
- + Tỷ trọng Δ ,
- Riêng với đất yếu thí nghiệm bổ sung:
 - + Nén 3 trục (theo hai sơ đồ UU và CU);
 - + Nén cố kết (cấp áp lực cuối cùng tối thiểu 8kg/cm^2);

Mẫu không nguyên trạng:

- Đối với đất dính: $P(\%), \Delta, WL, WP, W$.
- Đối với đất rời: $P(\%), \Delta$, góc nghỉ khô (α_d), góc nghỉ bão hoà (α_w), hệ số rỗng lớn nhất (ϵ_{max}), hệ số rỗng nhỏ nhất (ϵ_{min}).

2. Nhiệm vụ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình).

Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình) theo quy định hiện hành và phù hợp với hồ sơ Báo cáo NCKT của Dự án đã được UBND tỉnh Ninh Bình phê duyệt tại Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 13/3/2026 và các điều chỉnh được cấp thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

3. Các nội dung khác

a) Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

- Các công việc khác (ngoài nội dung thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán công trình): Lập dự toán gói thầu (các gói thầu thi công xây dựng, phi tư vấn,...) khi Chủ đầu tư yêu cầu sau khi hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán công trình được cấp thẩm quyền phê duyệt, trong đó có xác định tỷ trọng của: các vật tư chính, nhân công, máy thi công...

b) Thỏa thuận liên danh

- Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể, ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm của thành viên đại diện liên danh sử dụng chứng thư số của mình để tham dự thầu:

+ Cụ thể nội dung và giá trị công việc Nhà thầu liên danh phân chia tỷ lệ theo các nội dung chính tại bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu	Tỷ lệ % thực hiện phần khảo sát	Tỷ lệ % thực hiện lập thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	_____	_____ %	_____ %	_____ %
2	Tên thành viên thứ 2	_____	_____ %	_____ %	_____ %
3	...				
4	Tổng cộng		100 %	100 %	100 %

- Trong thỏa thuận liên danh phải có và nêu rõ nội dung:

+ Thành viên đứng đầu liên danh chịu trách nhiệm: Ban hành biểu mẫu, hồ sơ thiết kế tổng thể cho dự án; kiểm tra ký xác nhận hồ sơ thiết kế của các thành viên liên danh để đảm bảo tính thống nhất và chất lượng;

+ Thành viên liên danh chịu trách nhiệm lập dự toán công trình: thực hiện lập các bảng biểu chung; chi phí nhân công, vật liệu, máy thi công để sử dụng chung cho cả dự án; Thành viên liên danh chịu trách nhiệm lập dự toán gói thầu xây dựng.

V. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Lên kế hoạch về thời gian thực hiện và tiến độ nộp báo cáo theo định kỳ.

- Hồ sơ khảo sát, Dự thảo Hồ sơ thiết kế triển khai sau TKCS, dự toán xây dựng trình Ban quản lý dự án xem xét: Nộp trước ngày thứ 50, kể từ ngày hợp đồng tư vấn có hiệu lực và hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định trong thời gian còn lại của hợp đồng. Số lượng hồ sơ 03 bộ.

- Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh hồ sơ trong thời gian còn lại của hợp đồng để trình chủ đầu tư xem xét trình thẩm định, phê duyệt.

- Hoàn chỉnh Hồ sơ trình cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt: Số lượng hồ sơ 03 bộ.

- Trong quá trình thẩm định, nhà thầu tư vấn phải có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư giải trình và chỉnh sửa (nếu có) các nội dung yêu cầu liên quan đến hồ sơ nếu có. Thời gian chỉnh sửa hoàn thiện không quá 03 ngày.

- Hoàn chỉnh hồ sơ lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở và tổng dự toán xây dựng công trình theo Quyết định phê duyệt: Sau 03 ngày, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Số lượng hồ sơ 12 bộ (hồ sơ khảo sát, hồ sơ bản vẽ

thiết kế triển khai sau TKCS và dự toán công trình (15 quyển)) và kèm theo 01 đĩa CD bao gồm toàn bộ các dữ liệu của dự án.

VI. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Theo yêu cầu tại chương III của E-HSMT này;
- Ngoài ra nhà thầu có trách nhiệm bố trí nhân sự khác phù hợp với từng hạng mục công việc đảm bảo chất lượng hồ sơ và tiến độ thực hiện dự án.

VII. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
- Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.
- Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và E-HSMT; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.
- Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.
- Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

VIII. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực:

Nhà thầu tham gia gói thầu phải là doanh nghiệp, chi nhánh của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc tổ chức có chức năng tham gia hoạt động xây dựng được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề phù hợp (khảo sát, thiết kế) và đáp ứng các yêu cầu cụ thể sau:

1. Đối với nhà thầu độc lập phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1.1. Khảo sát xây dựng (địa hình, địa chất):

a) Có phòng thí nghiệm hoặc có văn bản thỏa thuận theo pháp luật Dân sự về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm với phòng thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng được công nhận theo quy định đối với lĩnh vực khảo sát địa chất công trình.

b) Có máy móc, thiết bị hoặc có khả năng huy động máy móc, thiết bị phục vụ công việc khảo sát của lĩnh vực địa hình, địa chất (*máy khoan khảo sát địa chất công trình, máy toàn đạc điện tử hoặc máy khác có chức năng tương đương, máy thủy chuẩn, bộ thiết bị không chế mặt bằng GPS*).

c) Có cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng lĩnh vực địa hình (từ hạng II trở lên), địa chất (từ hạng III trở lên).

d) Có cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn phù hợp (địa hình, địa chất), cụ thể:

- Chuyên ngành đào tạo theo văn bằng:

+ Cá nhân thực hiện khảo sát địa hình: Chuyên ngành đào tạo về trắc địa, bản đồ hoặc các chuyên ngành kỹ thuật xây dựng có liên quan.

+ Cá nhân thực hiện khảo sát địa chất: Chuyên ngành đào tạo về địa chất công trình, địa chất thủy văn hoặc các chuyên ngành kỹ thuật xây dựng có liên quan.

- Chuyên môn đào tạo phù hợp thể hiện tại bảng điểm/phụ lục văn bằng trong trường hợp văn bằng không ghi rõ chuyên ngành đào tạo:

+ Cá nhân thực hiện khảo sát địa hình: Có môn học về trắc địa, bản đồ.

+ Cá nhân thực hiện khảo sát địa chất: Có môn học về địa chất công trình, địa chất thủy văn.

1.2. Thiết kế xây dựng (đường bộ):

a) Có cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng (đường bộ) có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Có Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế xây dựng (đường bộ) có chuyên môn phù hợp, cụ thể:

- Chuyên ngành đào tạo theo văn bằng:

+ Cá nhân thực hiện thiết kế đường bộ: Chuyên ngành đào tạo về công trình giao thông đường bộ.

- Chuyên môn đào tạo phù hợp thể hiện tại bảng điểm/phụ lục văn bằng trong trường hợp văn bằng không ghi rõ chuyên ngành đào tạo:

+ Cá nhân thực hiện thiết kế đường bộ: Có các môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp về công trình giao thông đường bộ.

2. Trường hợp liên danh: Các thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần công việc dự kiến đảm nhận trong liên danh.

IX. Các nội dung khác:

1. Thuế VAT:

- Nhà thầu chào thuế suất (VAT) 8%.
- Nhà thầu nghiên cứu và xác định giá dự thầu cho phù hợp với Văn bản số 9886/VPCP-KTTH ngày 13/10/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc ủy quyền báo cáo UBTVQH về tình hình thực hiện kế hoạch ĐTC năm 2025 và dự kiến kế hoạch ĐTC năm 2026.
- Sử dụng biểu mẫu hợp đồng theo quy định tại Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.
- Về tiến độ hợp đồng: Trong trường hợp cấp có thẩm quyền yêu cầu tiến độ ngắn hơn tiến độ dự kiến, Nhà thầu có trách nhiệm huy động máy móc, thiết bị và các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ theo yêu cầu mà không có phát sinh chi phí nào thêm.